

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ  
SAO BẮC ĐẦU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 01/2022/TTr-ĐHĐCĐ

Tp.HCM, ngày 11 tháng 07 năm 2022

## TỜ TRÌNH

V/v: Các nội dung thường niên trình Đại hội đồng cổ đông

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông  
Công ty cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các quy định pháp luật có liên quan;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu;

Hội đồng quản trị (“**HDQT**”) Công ty cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu (**Công ty**) kính trình Đại hội đồng cổ đông (“**ĐHĐCĐ**”) xem xét và thông qua các nội dung trọng tâm sau đây:

### **Nội dung 1.** Thông qua Báo cáo thường niên năm tài chính 2021

Báo cáo thường niên năm tài chính 2021 đã được HDQT thông qua và thực hiện Công bố thông tin theo quy định của Pháp luật.

Kính trình ĐHĐCĐ thông qua Báo cáo thường niên 2021 (đã được đăng tải trên website Công ty).

### **Nội dung 2.** Thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán của Công ty

a) **Báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính 2021** về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/03/2022 và kết quả hoạt động kinh doanh như sau:

| STT | Chỉ tiêu        | Ngày 31/03/2022 | Ngày 31/03/2021   |
|-----|-----------------|-----------------|-------------------|
| 1   | Tổng tài sản    | 763.074.387.348 | 721.872.774.132   |
| 2   | Tài sản cố định | 77.504.929.589  | 82.109.889.587    |
| 3   | Vốn chủ sở hữu  | 121.887.845.514 | 129.357.810.472   |
| 4   | Doanh thu thuần | 855.361.796.180 | 1.246.920.892.250 |

|   |                                 |                 |                   |
|---|---------------------------------|-----------------|-------------------|
| 5 | Giá vốn                         | 726.289.314.603 | 1.115.184.228.009 |
| 6 | Chi phí QLDN                    | 63.719.488.552  | 68.437.079.812    |
| 7 | Lợi nhuận trước thuế            | 7.838.550.065   | 8.316.876.579     |
| 8 | Lợi nhuận sau thuế              | 6.544.035.043   | 6.893.415.845     |
| 9 | Lợi nhuận lũy kế chưa phân phối | 7.626.132.662   | 11.501.419.805    |

b) **Báo cáo tài chính riêng năm tài chính 2021** về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/03/2022 và kết quả hoạt động kinh doanh như sau:

| STT | Chỉ tiêu                        | Ngày 31/03/2022 | Ngày 31/03/2021   |
|-----|---------------------------------|-----------------|-------------------|
| 1   | Tổng tài sản                    | 758.859.281.218 | 710.161.930.528   |
| 2   | Tài sản cố định                 | 54.588.553.732  | 70.140.569.194    |
| 3   | Vốn chủ sở hữu                  | 128.538.249.186 | 130.922.556.084   |
| 4   | Doanh thu thuần                 | 821.604.857.779 | 1.142.269.720.044 |
| 5   | Giá vốn                         | 729.361.685.757 | 1.041.498.226.046 |
| 6   | Chi phí QLDN                    | 52.389.203.099  | 57.095.642.550    |
| 7   | Lợi nhuận trước thuế            | 12.473.337.579  | 15.425.825.687    |
| 8   | Lợi nhuận sau thuế              | 11.615.693.102  | 14.322.875.468    |
| 9   | Lợi nhuận lũy kế chưa phân phối | 13.538.249.186  | 15.082.416.314    |

Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm tài chính 2021 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam – thành viên RSM Quốc tế thực hiện kiểm toán theo lựa chọn của ĐHCĐ thường niên năm tài chính 2021 và đã được công bố thông tin theo đúng quy định của Pháp luật.

Kính trình ĐHCĐ thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán riêng và hợp nhất năm tài chính 2021 của Công ty.

### **Nội dung 3. Phân phối lợi nhuận và chi cổ tức năm tài chính 2021**

#### **a) Phân phối lợi nhuận**

|           |                                                                    |                                                  |
|-----------|--------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|
| <b>I</b>  | <b>Cổ tức</b>                                                      |                                                  |
| 1         | Tổng số cổ phiếu đã phát hành                                      | 11.500.000 cổ phần                               |
| 2         | Số cổ phiếu đang lưu hành                                          | 11.500.000 cổ phần                               |
| 3         | Tỷ lệ cổ tức chi trả                                               | <b>6.5 %</b> (tương ứng 650 đồng/cổ phần)        |
| 4         | Tổng số cổ tức chi trả                                             | <b>7.475.000.000</b>                             |
| 5         | Hình thức chi trả cổ tức                                           | Bằng cổ phiếu                                    |
| 6         | Thời gian chi trả cổ tức                                           | Dự kiến thực hiện trong quý 2 năm tài chính 2022 |
| <b>II</b> | <b>Phương án phân phối lợi nhuận 2021</b>                          |                                                  |
| 1         | Tổng LNST chưa phân phối tại ngày 31/03/2022, bao gồm:             | <b>13.538.249.186</b>                            |
| 1.1       | LNST chưa phân phối lũy kế của kỳ trước                            | <b>1.922.556.084</b>                             |
| 1.2       | LNST chưa phân phối của kỳ kế toán từ ngày 01/04/2021 – 31/03/2022 | <b>11.615.693.102</b>                            |
| 2         | Chia cổ tức ở mức 6.5%                                             | <b>7.475.000.000</b>                             |
| 3         | Trích bổ sung quỹ PTKHCN                                           | <b>0</b>                                         |
| 4         | LNST chưa phân phối còn lại                                        | <b>6.063.249.186</b>                             |

**b) Báo cáo tình hình biến động Quỹ Đầu tư Phát triển**

|                                                           |                         |
|-----------------------------------------------------------|-------------------------|
| Quỹ Đầu tư Phát triển tại ngày 01/04/2021:                | <b>840.139.770 đồng</b> |
| Sử dụng trong năm tài chính 2021 (chuyển sang quỹ PTKHCN) | 840.139.770 đồng        |
| Quỹ Đầu tư Phát triển còn lại tại ngày 01/04/2022         | <b>0 đồng</b>           |

**c) Báo cáo tình hình Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ (PTKHCN)**

|                                                       |                    |
|-------------------------------------------------------|--------------------|
| Quỹ Phát triển Khoa học Công nghệ tại ngày 01/04/2021 | 2.816.898.475 đồng |
| Bổ sung quỹ PTKHCN từ quỹ Đầu tư phát triển           | 840.139.770 đồng   |
| Bổ sung quỹ PTKHCN từ LNST chưa phân phối             | 1.659.860.230 đồng |
| Sử dụng trong năm tài chính 2021                      | 2.039.756.289 đồng |
| Quỹ Phát triển Khoa học Công nghệ còn lại             | 3.277.142.186 đồng |

Kính trình ĐHĐCĐ thông qua việc phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm tài chính 2021 như trên.

**Nội dung 4. Kế hoạch kinh doanh năm tài chính 2022**

**1. Công ty SBD Mẹ**

ĐVT: tỷ đồng

| STT | Chỉ tiêu             | Thực hiện 2021 | Kế hoạch 2022  | So với năm 2021 |
|-----|----------------------|----------------|----------------|-----------------|
| 2   | Lợi nhuận sau thuế   | 11.615.693.102 | 15.000.000.000 | 3.384.306.898   |
| 3   | Cổ tức CĐ Công ty Mẹ | 6,5%           | 8%             | Tăng 2%         |

**2. Hợp nhất (SBD Mẹ và các Công ty con)**

ĐVT: tỷ đồng

| STT | Chỉ tiêu                    | Thực hiện 2021  | Kế hoạch 2022     | So với năm 2021 |
|-----|-----------------------------|-----------------|-------------------|-----------------|
| 1   | Doanh thu hợp nhất          | 855.361.796.180 | 1.000.000.000.000 | Tăng 16 %       |
| 2   | Lợi nhuận sau thuế hợp nhất | 7.626.132.662   | 14.500.000.000    | Tăng 190 %      |

Kính trình ĐHĐCĐ thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm tài chính 2022 của Công ty như trên.

**Nội dung 5. Lựa chọn đơn vị Kiểm toán Báo cáo tài chính năm tài chính 2022 của Công ty**

Dựa trên kết quả hợp tác của năm tài chính 2021, căn cứ trên đề nghị của Tổng giám đốc, HĐQT Công ty kính trình ĐHĐCĐ xem xét quyết định việc tiếp tục lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam – thành viên RSM Quốc tế (RSM) là đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm tài chính 2022 của Công ty. Trong trường hợp việc hợp tác với RSM không thành công, đề nghị ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định việc lựa chọn một công ty kiểm toán độc lập được Bộ Tài chính và Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước (UBCK NN) cho phép kiểm toán cho các công ty đại chúng để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm tài chính 2022 cho Công ty.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



TRẦN ANH TUẤN

